

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CẦU GIẤY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST

Ny: 13/6/2022

v/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lưu Văn Thiệm

2. Bà Bùi Thị Minh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy: *Không tham gia phiên tòa.*

Ny 13 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 82/2022/TLST-HNGĐ ngày 15/02/2022 về yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 26/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị N– Sinh năm 1969. Có mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Phòng 316 Tập thể BD, số 127 S, quận C, thành phố N.

- Bị đơn: Anh Phan Thanh H– Sinh năm 1964. Có mặt.

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Phòng 316 Tập thể BD, số 127 S, quận C, thành phố N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31/10/1991 tại UBND phường G, quận Đ, thành phố N, nay là phường K, quận Đ, thành phố N. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại 62 Trần Phú, nhà của bố mẹ chồng. Đến đầu năm 2004, chị N và anh H về chung sống tại phòng 316 số 217 số 127 S, quận C, thành phố N. Sau khi kết hôn vợ chồng có những mâu thuẫn, cách đây hơn 10 năm vợ chồng ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không quan tâm đến vợ con, anh H không còn tình cảm với chị N, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Vợ chồng đã có những cãi cọ, đánh chửi nhau nhưng chưa lần nào chính quyền địa phương can thiệp vì vợ chồng sống khép kín. Đỉnh điểm đến tháng 01/2020 vợ chồng mâu thuẫn, anh H có đánh tôi (anh H bóp cổ tôi, người quay clip là con gái chị N – cháu D ở cùng với vợ chồng tôi). Nay, chị N nhận thấy tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn không đạt được nên chị đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H có 02 con chung là cháu Phan Thanh V, sinh ngày 21/10/1991 và cháu Phan Trần Thủy D, sinh ngày 02/12/1999. Khi ly hôn con chung đã trên 18 tuổi, ở với ai là quyền của các cháu, không đề nghị Tòa án xét giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chỗ ở sau ly hôn: chị N tự lo nơi ở, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Phan Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị N đăng ký kết hôn tự nguyện có tìm hiểu tại UBND phường G, quận Đ, thành phố N, nay là phường K, quận Đ, thành phố N. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, anh H có hay về muộn. Nay 18/3/2020 anh H có đi nhậu về tát chị N. Anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, nhưng anh H không đưa ra được phương án để cải thiện hàn gắn quan hệ vợ chồng. Nay chị N xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H có 02 con chung là cháu Phan Thanh V, sinh ngày 21/10/1991 và cháu Phan Trần Thủy D, sinh ngày 02/12/1999. Khi ly hôn con chung đã trên 18 tuổi, ở với ai là

quyền của các cháu, không đề nghị Tòa án xét giao nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn – chị Trần Thị N: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Phan Thanh H.

Bị đơn – anh Phan Thanh H không đồng ý ly hôn với chị Trần Thị N. Anh cho rằng các mâu thuẫn đã xảy ra có thể sửa chữa được nên anh không đồng ý ly hôn ở thời điểm này.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy có công văn không tham gia phiên tòa.

Sau khi xem xét, đánh giá khách quan toàn diện những tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền:

Đơn khởi kiện của chị Trần Thị N yêu cầu được ly hôn anh Phan Thanh H. Quan hệ pháp luật trong vụ án xác định là ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, tại thời điểm nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và ở Phòng 316 Tập thể BD, số 127 S, quận C, thành phố N. Việc Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để giải quyết về ly hôn phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 31/10/1991 tại UBND phường G, quận Đ, thành phố N, nay là phường K, quận Đ, thành phố N. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H có những mâu thuẫn, vợ chồng có những cãi cọ, đánh chửi nhau. Đỉnh điểm đến tháng 01/2020 vợ chồng mâu thuẫn, anh H có đánh chị N. Chị N xác nhận vợ chồng cách đây hơn 10 năm ly thân. Chị N xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh H không đồng ý ly hôn vì cho rằng các mâu thuẫn có thể sửa chữa được. Hội đồng xét

xử xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống chung hạnh phúc giữa vợ và chồng, giữa vợ chồng phải cùng nhau quan tâm, chia sẻ, thương yêu và tôn trọng. Chị N và anh H đã sống ly thân, khi nóng nảy anh H thiếu kiềm chế, có những hành động gây tổn thương cho chị N, do đó mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của chị N là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H có 02 con chung là cháu Phan Thanh V, sinh ngày 21/10/1991 và cháu Phan Trần Thủy D, sinh ngày 02/12/1999. Khi ly hôn con chung đã trên 18 tuổi, ở với ai là quyền của các cháu, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H tự lo chỗ ở sau khi ly hôn.

[5] Về án phí: chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 56; 81; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị N. Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn với anh Phan Thanh H.

2. Về con chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H có 02 con chung là cháu Phan Thanh V, sinh ngày 21/10/1991 và cháu Phan Trần Thủy D, sinh ngày 02/12/1999. Khi ly hôn con chung đã trên 18 tuổi, ở với ai là quyền của các cháu, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Chị Trần Thị N và anh Phan Thanh H tự lo chỗ ở sau khi ly hôn.

4. Về án phí: chị Trần Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018178 ngày 11/02/2022 tại chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
PHIÊN TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA

Nơi nhận:

1. TAND TP Hà Nội;
2. VKSND quận Cầu Giấy;
3. Các đương sự;
4. Chi cục THA quận Cầu Giấy;
5. Lưu hồ sơ, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**